

HỌC THUYẾT VỀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ CỦA GI.V.PH.HÊGHEN

NGUYỄN ĐÌNH TƯỜNG^(*)

Bài viết luận giải nhằm làm rõ rằng, Hêghen không chỉ xem xét quá trình biến đổi và phát triển không ngừng trong lịch sử, mà còn hiểu lịch sử nhân loại như một quá trình vận động tiến lên, một quá trình thống nhất thông qua lịch sử của các quốc gia. Quan niệm của ông về quá trình lịch sử tuy còn có hạn chế bởi lập trường duy tâm và tính giai cấp hẹp hòi, song cũng chứa đựng nhiều giá trị sâu sắc. Công lao lớn nhất của Hêghen là ông đã phát hiện ra tính quy luật của quá trình lịch sử.

Gi.V.Ph.Hêghen là một trong những nhà triết học vĩ đại của lịch sử triết học thế giới, đồng thời ông được coi là nhà bách khoa toàn thư cuối cùng của nhân loại. Triết học của Hêghen hết sức phong phú và đa dạng được trình bày hầu hết trong các lĩnh vực khoa học logic, triết học tự nhiên và triết học tinh thần. Có thể khẳng định rằng, triết học của ông có ảnh hưởng to lớn đến một số khuynh hướng triết học phương Tây hiện đại, đặc biệt đối với triết học mácxít. Không chỉ phép biện chứng trong *Khoa học logic* của Hêghen có giá trị đặc biệt mà cả những tư tưởng của ông trong các lĩnh vực pháp quyền, lịch sử, đạo đức, nghệ thuật... cũng là những đóng góp quý báu vào kho tàng tư tưởng triết học thế giới. Trong bài viết này, chúng tôi muốn trình bày cách tiếp cận và một số nội dung cơ bản của học thuyết Hêghen về quá trình lịch sử như là một phần của triết học tinh thần của ông; từ đó rút ra giá trị và hạn chế.

Trong phần thứ hai của *Triết học pháp quyền*, Hêghen đã nghiên cứu những vấn đề thuộc về pháp quyền, lịch

sử, đạo đức... Ông coi những lĩnh vực đó là những biểu hiện của tinh thần khách quan. Theo Hêghen, tinh thần khách quan là “thế giới của tự do”. Tác phẩm *Triết học lịch sử* đã xem xét tinh thần khách quan ở ngoài giới hạn của từng dân tộc cụ thể và đang vận động trong quá trình của lịch sử toàn thế giới.

Hêghen đã phân tích những quan niệm lịch sử và những cách tiếp cận về những hiện tượng lịch sử khác nhau. Đó là “lịch sử nguyên sơ”, “lịch sử đã được diễn giải” và “lịch sử mang tính triết học”. “Lịch sử nguyên sơ” được hiểu là sử liệu học, “lịch sử đã được diễn giải” có nghĩa là trên cơ sở những dữ kiện lịch sử, các nhà sử học đã giải thích, bình luận và chú giải các sự kiện theo quan điểm chủ quan, còn lịch sử mang tính triết học là đưa ra được những quy luật khách quan của lịch sử. Từ góc độ phân tích này, Hêghen coi cách tiếp cận lịch sử từ phương diện triết học là hợp lý nhất.

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ. Trưởng phòng Triết học phương Tây, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Hêghen cho rằng, cần phải nhận thức tinh thần như là thực thể trong lịch sử. Tinh thần được thể hiện cả trong tự nhiên lẫn trong lịch sử nhân loại, nó được coi là nguyên tắc hoạt động. Mỗi một thời kỳ lịch sử, mỗi một dân tộc, cá nhân, về thực chất, là sự thể hiện của nguyên tắc này. Ở đây, Hêghen coi bản chất của tinh thần là hoạt động. Tinh thần vừa là chủ thể, vừa là khách thể. Trong triết học lịch sử, đối lập với các nhà triết học duy vật, Hêghen đã xem xét tiến trình lịch sử nhân loại như là sự thể hiện của lịch sử tinh thần, lịch sử phát triển của tư duy con người. Tinh thần tuyệt đối sản sinh ra lịch sử thế giới(1). Trên lập trường duy tâm khách quan, ông đã xem xét lịch sử nhân loại như là sự tự thể hiện, tự nhận thức của tinh thần tuyệt đối. Đồng thời, lịch sử nhân loại, theo quan điểm thần bí của Hêghen, như là sự "diễn hành" của Thượng đế; vì vậy, nó là sự thể hiện lịch sử thần thánh, bị chi phối bởi những lực lượng siêu nhiên. Ở đây, Hêghen đã vận dụng tư tưởng định mệnh có tính chất thần học để giải thích sự phát triển của lịch sử.

Hêghen cho rằng, triết học lịch sử nghiên cứu tinh thần dưới hình thức của các tinh thần dân tộc cụ thể được thể hiện trong lịch sử như là những giai đoạn khác nhau của ý thức. Lịch sử thế giới là sự thể hiện của lý tính như là hình thức tự nhận thức của tinh thần.

Coi tự do là bản chất của tinh thần, của lý tính, Hêghen cho rằng, "lịch sử thế giới là sự tiến bộ trong ý thức về tự do, sự tiến bộ mà chúng ta phải nhận

thức trong tính tất yếu của nó"(2). Ở đây, công lao to lớn của ông là đã đưa bản chất của hoạt động tinh thần lên vị trí này như là những yếu tố tích cực được nảy sinh từ quá trình lao động. Con người, theo Hêghen, là kết quả lao động của chính bản thân mình mà lịch sử nhân loại là cơ sở hiện thực của chúng. Tuy nhiên, dưới góc độ duy tâm Hêghen xem xét lao động như một hoạt động tinh thần, cho nên bản chất lịch sử phát triển của xã hội loài người được ông giải thích một cách xuyên tạc như là sự phát triển của khởi nguyên tinh thần.

Để giải thích những đặc điểm cụ thể của những thời đại lịch sử và văn hóa khác nhau, Hêghen đã đề cập tới khái niệm tinh thần dân tộc. Theo ông, sự hoạt động của khởi nguyên tinh thần đã tạo ra những tinh thần dân tộc. Bản chất của tinh thần dân tộc được biểu hiện ở nhà nước, ở những quy luật và tổ chức của nó, đồng thời biểu hiện cả trong tôn giáo, nghệ thuật và triết học. Như vậy, lịch sử của các dân tộc thực chất là những giai đoạn khác nhau hình thành nên những thời đại nhất định của lịch sử toàn thế giới. Những giai đoạn này được quy định bởi đời sống đạo đức của các dân tộc, bởi chế độ nhà nước, nghệ thuật, tôn giáo và triết học của họ. Ở đây, Hêghen đã giải thích một cách duy tâm về lịch sử nhân loại. Tuy nhiên, dưới hình thức duy tâm,

(1) Gi.V.Ph.Hêghen. *Triết học tinh thần trong Bách khoa toàn thư các khoa học triết học*, t.3. Nxb Sách tư tưởng kinh tế - xã hội, Mátxcova, 1977, tr.22 (tiếng Nga).

(2) Gi.V.Ph.Hêghen. *Toàn tập*. Các tác phẩm, t.8. Nxb Mátxcova - Lêningrát, 1929-1959, tr.19 (tiếng Nga).

thần bí, ông đã nêu ra một tư tưởng hợp lý khi xem xét lịch sử thế giới và bản thân con người trong quá trình hoạt động, phát triển lịch sử của chúng.

Gắn liền với điều này, Hêghen đưa ra ba phạm trù cơ bản: “sự biến đổi”, “quay về với tuổi trẻ” và “lý tính” để phân tích lịch sử nhân loại. Ông cho rằng, lịch sử nhân loại là lĩnh vực cao nhất so với tự nhiên, bởi trong tự nhiên không xuất hiện một cái gì mới cả, ở đó chỉ diễn ra sự quay vòng của sự vật và hiện tượng, còn trong quá trình lịch sử nhân loại thì những biến đổi thường xuyên xảy ra. Chính vì vậy, ở đó sự phát triển và tiến bộ có một vị trí nhất định. Ông phê phán một số nhà tư tưởng khi họ cho mình “khả năng giải thích bằng những ngẫu nhiên, những vụng về, chủ yếu là những nông nổi, những khát vọng độc ác của những con người biến đổi tạo ra bước ngoặt và phá hoại trong mọi hoàn cảnh mà chúng có quyền tồn tại”(3). Hêghen hoàn toàn có lý khi bác bỏ cách giải quyết vô căn cứ như vậy về những bước ngoặt lịch sử. Ông khẳng định rằng, quá trình phát triển của xã hội không thể diễn ra một cách bằng phẳng mà không có đấu tranh: “Sự phát triển không đơn giản là quá trình bình lặng, diễn ra không có đấu tranh như là sự phát triển của đời sống hữu cơ, mà nó là công việc nặng nhọc, miễn cưỡng chống lại bản thân”(4). Như vậy, Hêghen đã diễn tả lịch sử nhân loại qua phạm trù “biến đổi” thể hiện quá trình phát triển không ngừng của lịch sử.

Trong phạm trù “quay về với tuổi

trẻ” hay là “sự trẻ lại”, Hêghen muốn chỉ ra tính chất tiến lên của những biến đổi lịch sử. “Quay về với tuổi trẻ” của tinh thần, theo Hêghen, không phải đơn thuần là sự trở lại một hình thức nào đó, mà là “làm sạch” và đổi mới chính bản thân mình. Như vậy, Hêghen không chỉ xem xét lịch sử trong quá trình biến đổi và phát triển không ngừng, mà còn hiểu lịch sử nhân loại như một quá trình vận động tiến lên. Ở đây, Hêghen đã tiếp nhận tư tưởng tiến bộ của lịch sử nhân loại do phái Khai sáng Pháp đưa ra và nhấn mạnh nó từng phần khi quan tâm đến kinh nghiệm lịch sử về sự phát triển sau cách mạng tư sản của châu Âu.

Trong phạm trù “lý tính”, Hêghen đã đề cao lý tính trong lịch sử và thể hiện một cách thần bí tư tưởng về tính quy luật của lịch sử. Ông cho rằng, sự phát triển của lý tính thế giới được thể hiện trong tự nhận thức là bản chất của quá trình lịch sử toàn thế giới. Bởi vì, bản chất của lý tính là tự do. Như vậy, những tư tưởng biện chứng sâu sắc trên của Hêghen đã bị chính những quan điểm duy tâm của ông làm lu mờ.

Sự giải thích của Hêghen đối với những hiện tượng lịch sử, về thực chất, là có tính hình thức, bởi tất cả những gì diễn ra trong lịch sử dường như là tồn tại “tự nó” trước nguyên tắc phát triển. Theo Hêghen, lịch sử toàn thế giới là sự thể hiện của tinh thần dưới dạng tìm kiếm tri thức cho bản thân những gì nó

(3) Gi.V.Ph.Hêghen. *Sđđ.*, t.8, tr.52.

(4) Gi.V.Ph.Hêghen. *Sđđ.*, t.8, tr.53.

là tự nó, giống như cái mầm chứa đựng trong nó toàn bộ bản chất của cái cây, mùi vị và hình dáng của quả cũng như những biểu hiện đầu tiên của tinh thần chứa đựng trong nó toàn bộ lịch sử⁽⁵⁾. Ngoài ra, ông đã đưa ra những tư tưởng cho rằng sự xuất hiện nhà nước là do kết quả của sự phân chia xã hội thành những giai cấp bóc lột và bị bóc lột. Với ông, lịch sử nhân loại bắt đầu từ sự hình thành của nhà nước. Chỉ có trong nhà nước với ý thức về các quy luật thì mới có các hoạt động hợp lý, mới có ý thức rõ ràng về các hoạt động lịch sử: “Trong hiện hữu của dân tộc thì cái mục đích bản thể là trở thành nhà nước và duy trì bản thân như là nhà nước. Dân tộc mà không có thể chế nhà nước thì không có lịch sử gì hết...”⁽⁶⁾. Ở đây, Hêghen coi nhà nước là hiện thân của tinh thần tuyệt đối chi phối và định hướng phát triển lịch sử của một dân tộc. Vì vậy, nếu không có nhà nước thì cũng không có sự tồn tại của một quốc gia.

Cùng với tư tưởng coi sự hình thành và phát triển của lịch sử nhân loại gắn liền với sự xuất hiện của nhà nước, Hêghen còn chỉ rõ ảnh hưởng của yếu tố địa lý đối với lịch sử của các dân tộc. Hêghen đã luận giải những sự khác biệt về địa lý, như đồng bằng, vùng ven biển, vùng núi..., như là cơ sở tạo nên diện mạo văn hóa của dân tộc. Chẳng hạn, nền văn minh Ai Cập cổ đại được hình thành và phát triển trong miền châu thổ hạ lưu sông Nin; nền văn minh Babilon xuất hiện và phát triển ở dọc các con sông thuộc vùng Lưỡng Hà...

Sau khi làm rõ ý nghĩa của tinh thần

dân tộc được thể hiện trong pháp quyền, đạo đức, nhà nước cũng như trong tôn giáo, nghệ thuật và khoa học của các dân tộc, Hêghen đã tiếp tục làm sáng tỏ vị trí của cá nhân trong lịch sử. Theo ông, những cá nhân, về thực chất, là công cụ của tinh thần tuyệt đối mà thông qua những hành vi của họ thì bản chất hoạt động tích cực của tinh thần mới được biểu hiện. Hêghen phân chia toàn bộ những thành viên xã hội thành hai loại: thứ nhất là “những cá nhân tái tạo” (tái sản xuất), thứ hai là “lịch sử toàn thế giới”. “Những cá nhân tái tạo” hay những cá nhân tái sản xuất là những người chi phối các quyền lợi cá nhân và theo sát những mục đích của chúng. Sự hoạt động của họ được xem là điều kiện tất yếu đối với đời sống xã hội. Thiếu những hoạt động này, cái chung sẽ trở thành trừu tượng, khô cứng. Như vậy, hoạt động của “những cá nhân tái tạo” là cơ sở sống động của xã hội, bởi chính nhờ công việc của họ mà toàn bộ những gì con người sáng tạo ra được duy trì và tái tạo. Giá trị của cá nhân nằm ở chỗ, nó biểu hiện tinh thần dân tộc, tham gia vào việc sáng tạo. Mọi hành vi của cá nhân phải tuân theo những mục đích riêng biệt, cụ thể, như những quy định chủ yếu, phổ biến của pháp quyền, của cái thiện và của nghĩa vụ. Mỗi cá nhân cụ thể là sản phẩm của dân tộc mình ở mỗi giai đoạn phát triển nhất định.

(5) Gi.V.Ph.Hêghen. *Sđd.*, t.8, tr.18.

(6) Gi.V.Ph.Hêghen. *Triết học tinh thần trong Bách khoa toàn thư các khoa học triết học*. *Sđd.*, t.3, tr.368.

Đồng thời, Hêghen đánh giá rất cao vai trò sáng tạo của dân tộc trong quá trình phát triển của lịch sử. Có thể nói, khó mà tìm được một nhà tư tưởng tư sản nào trước ông có được những hiểu biết sâu sắc về vai trò của dân tộc trong lịch sử đến như vậy. Tuy nhiên, Hêghen cũng có những hạn chế khi ông coi hoạt động của dân tộc là không nhận thức được. Theo Hêghen, mặc dù vận động của lịch sử hướng đến sự nhận thức về tự do ngày càng sâu sắc hơn, nhưng trên thực tế ông cũng không bỏ qua tính chất tự phát của sự phát triển lịch sử. Ở đây, Hêghen cho rằng, những người có ý muốn đạt được một cái gì đó cao hơn, xa hơn đối với mình thì dường như họ thực hiện một cách không có ý thức. “Nhờ có những hoạt động của con người mà nói chung trong lịch sử toàn thế giới có được một số kết quả khác với những gì họ mong muốn”(7). Vì vậy, quá trình lịch sử được thực hiện không phải đơn giản và theo một đường thẳng với mục đích đã được vạch trước. Trong một số hình thái xã hội, quá trình lịch sử thường diễn ra một cách tự phát. Ở đây, sức mạnh của quá trình lịch sử được thể hiện như sức mạnh của tính tất yếu mù quáng. Hêghen đã giải thích một cách xuyên tạc quá trình này. Ông mô tả nó như là “sự khôn ngoan của lý tính”, mà lý tính này được sử dụng bằng những dự định, những khát vọng và những hành vi của con người trong những mục đích của mình, mặc dù những mục đích đó chưa từng được con người biết đến và nhận thức được. Theo quan niệm này, con người hình dung rằng, họ tự mình làm nên lịch sử của mình. Nhưng trên

thực tế, “tinh thần tuyệt đối” đã chỉ đạo tất cả những hành động của họ, mọi hành vi của họ. Sự phát triển của tinh thần tuyệt đối được thể hiện trong tự nhận thức đó chính là bản chất của quá trình lịch sử toàn thế giới.

Khi nhấn mạnh vai trò tích cực của cá nhân, Hêghen cũng có ý định khắc phục những tư tưởng của thuyết định mệnh đối với việc giải thích quá trình phát triển của lịch sử. Ông đã thể hiện sự khắc phục này một cách có tính chất hình tượng, khi xem xét sự phát triển của toàn bộ lịch sử thế giới của xã hội bao gồm hai yếu tố: “thứ nhất là ý niệm, thứ hai là khát vọng của con người; yếu tố thứ nhất là cơ sở còn yếu tố thứ hai là viễn cảnh vĩ đại của lịch sử toàn thế giới được mở ra trước mắt chúng ta”(8). Tuy nhiên, Hêghen không thể khắc phục được tính chất định mệnh của sự phát triển xã hội trên lập trường duy tâm của ông.

Hêghen đã có lý khi cho rằng, những khát vọng cá nhân và những động cơ kích thích cá nhân không phải là những nguyên nhân cuối cùng của những sự kiện lịch sử. Bởi vì, sau những nguyên nhân này còn có những sức mạnh lịch sử khác mà chúng cần phải được nghiên cứu. Nhưng Hêghen chỉ thấy được những sức mạnh này ở trong tinh thần, trong ý niệm chứ không phải ở trong những cơ sở vật chất của lịch sử.

Đồng thời, Hêghen đã đưa ra nhận định sâu sắc khi cho rằng, dưới sự thống trị của sở hữu tư nhân hay trong

(7) Gi.V.Ph.Hêghen. *Sđd.*, t.8, tr.27.

(8) Gi.V.Ph.Hêghen. *Sđd.*, t.8, tr.23.

những điều kiện tha hóa thì hoạt động trực tiếp của cá nhân bị tách ra, tha hóa khỏi kết quả cuối cùng của nó. Người sản xuất cá thể (cá nhân) gắn liền với lao động xã hội chỉ thông qua thị trường, chỉ bằng con đường tha hóa sản phẩm khỏi lao động của mình. Đối với ông, quy luật của xã hội tư sản được biểu hiện thông qua hoạt động tư nhân, nói cách khác là thông qua đấu tranh cụ thể. Hơn nữa, Hêghen cũng giả định rằng, sự không phù hợp giữa những động lực tư nhân và tính tất yếu lịch sử sẽ được tước bỏ, khắc phục nhưng không phải do cải tạo xã hội hiện thực, không phải bằng con đường xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân, mà là thông qua sự tự nhận thức chính bản thân của tinh thần cá nhân.

Đặc biệt, khi nói về tinh thần tuyệt đối như là cơ sở của lịch sử nhân loại được thực hiện thông qua hoạt động cá nhân của những con người cụ thể, Hêghen đã nêu lên mối quan hệ biện chứng giữa cái chung và cái riêng biểu hiện qua mối quan hệ giữa xã hội và cá nhân. Ở đây, ông đã chỉ rõ tính thống nhất của những yếu tố này. Tuy nhiên, Hêghen đã mắc sai lầm khi coi những cá nhân là thuộc về những yếu tố bên ngoài. Theo ông, không phải hoạt động cá nhân, mà chính tinh thần tuyệt đối được thể hiện trong từng cá nhân mới là hiện thực. Như vậy, Hêghen coi con người là kẻ mang cái chung, không phải vì nó có bản chất xã hội mà vì tinh thần tuyệt đối là cần thiết cho cá nhân và được thực hiện ở trong nó. Theo quan điểm của Hêghen, sự đối lập trừu tượng giữa xã hội với cá nhân được bộc lộ rõ

trong xã hội tư sản thông qua việc con người được thể hiện có tính chất trừu tượng. Tuy vậy, công lao của Hêghen là ở chỗ, ông là người đầu tiên chỉ ra rằng trong điều kiện chế độ tư hữu thống trị thì tất cả các hình thức của đời sống xã hội (nhà nước, gia đình, tôn giáo) thể hiện trước cá nhân dưới hình thức tha hóa, tức đối lập với nó như là những sức mạnh, những yếu tố bên ngoài chứ không phải do nó tạo ra cho phù hợp với bản chất xã hội. Song, Hêghen vẫn chưa nhìn thấy mối liên hệ giữa sự tha hóa tinh thần và hiện thực. Có thể khẳng định rằng, trước C.Mác chưa có một nhà tư tưởng nào nhận thức được điều này. Bởi vì, ngoài C.Mác thì không một ai có thể chỉ ra được rằng xóa bỏ chế độ tư hữu là lối thoát có tính hiện thực để khắc phục tình trạng tha hóa.

Phạm trù thứ hai - "lịch sử toàn thể giới" mà Hêghen đưa ra có vai trò như thế nào trong quá trình lịch sử? Để hiểu được vấn đề này, cần phải đề cập đến sự chuyển hóa từ tinh thần dân tộc này đến cái khác.

Như chúng ta đã biết, tinh thần tuyệt đối, lý tính là những khái niệm chung nhất trong triết học của Hêghen. Các khái niệm này tự chúng không thể giải thích được những đặc điểm cụ thể của những thời đại lịch sử và văn hóa khác nhau. Vì vậy, Hêghen đã đưa ra khái niệm tinh thần dân tộc để giải thích những đặc điểm trên.

Tinh thần dân tộc thuộc về lịch sử toàn thể giới cũng như cá nhân thuộc về tinh thần của dân tộc mình. Có hai khuynh hướng được phát hiện trong tiến trình lịch sử của dân tộc. Khuynh

hướng thứ nhất hướng đến việc duy trì dân tộc đang hiện tồn cũng như nhà nước và tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Khuynh hướng thứ hai đối lập với khuynh hướng trên - phá hủy việc duy trì những gì mà nó tạo ra.

Trong học thuyết về quá trình lịch sử của mình, Hêghen đã đưa ra những lập luận sâu sắc về mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc và cá nhân vĩ đại. Theo ông, vai trò của những cá nhân vĩ đại được xác định ở những mục đích và quyền lợi cá nhân của họ - những cái mà dường như phản ánh một cách trực tiếp những quyền lợi và nhu cầu chung của thời đại. Những cá nhân vĩ đại này biết được cái gì là bản chất của thời đại mình và giai đoạn phát triển gần nhất được thể hiện ra sao. Hêghen từng gọi những cá nhân vĩ đại là những anh hùng. Ở đây, Hêghen vừa phê phán những quan điểm sùng bái người anh hùng, vừa chế nhạo những người hạ thấp uy tín của những cá nhân lịch sử này với động cơ thấp hèn.

Hêghen đã vận dụng quy luật phủ định của phủ định để xem xét tiến trình phát triển của lịch sử. Có thể nói, một trong những giá trị lớn nhất trong học thuyết của Hêghen là sự hiểu biết của ông về quá trình xã hội. Ông đã xem xét tiến trình lịch sử nhân loại như một quá trình phát triển biện chứng, đồng thời nhấn mạnh tính quy luật trong sự phát triển của lịch sử. Chính những tư tưởng này đã phân biệt rõ nét quan niệm của Hêghen về lịch sử so với đa số học thuyết của những nhà tư tưởng trước và đương thời với ông. Theo ông, phát triển là mối liên hệ có tính kế thừa

lịch sử giữa quá khứ và hiện tại, giữa hiện tại và tương lai. Cái mới trong lịch sử là kết quả của sự phát triển, là kết quả đã được chuẩn bị bởi toàn bộ quá trình lịch sử của giai đoạn trước đó. Do đó, mỗi một chế độ mới xuất hiện là nhờ sự phủ định chế độ xã hội cũ.

Hêghen đã xem xét tiến trình lịch sử thế giới như một quá trình thống nhất. Toàn bộ lịch sử nhân loại, theo ông, cần được coi là một chỉnh thể thống nhất. Ở đây, Hêghen đã nhấn mạnh tính thống nhất của lịch sử thế giới thông qua lịch sử của các quốc gia, dân tộc(9). Lịch sử của các quốc gia, dân tộc là những yếu tố cấu thành lịch sử thế giới; chúng là những hình thức, giai đoạn biểu hiện đặc thù của lịch sử thế giới. Theo Hêghen, mối quan hệ giữa lịch sử thế giới và lịch sử của mỗi dân tộc là quan hệ biện chứng giữa cái chung và cái riêng. Trong đó, lịch sử thế giới chi phối và quyết định lịch sử của các quốc gia, dân tộc. Ông nhấn mạnh rằng, trong tính chỉnh thể thống nhất của quá trình lịch sử thế giới thì mỗi một giai đoạn riêng lẻ của nó cần phải được nhận thức như một mắt xích của chỉnh thể đó, không nên coi những giai đoạn lịch sử chỉ là những yếu tố ngẫu nhiên. Mối liên hệ của những sự kiện lịch sử thế giới xuất hiện và phát triển theo quy luật. Không có một giai đoạn nào trong sự phát triển của các dân tộc được xem như là vĩnh viễn, không vận động. Tất cả mọi giai đoạn của lịch sử nhân loại, tất cả những giai đoạn phát triển của

(9) G.V.Ph.Hêghen. *Bách khoa toàn thư các khoa học triết học*, t.3. Nxb Mátxcơva, 1970, tr.305 (tiếng Nga).

các dân tộc đều là kết quả của thời đại mình, là kết quả của những hoàn cảnh nhất định.

Hêghen quan niệm rằng, lịch sử nhân loại là một quá trình phức tạp, trong đó quá khứ đã cho thấy những chứng cứ về sự phá hủy, diệt vong của các nền văn minh rực rỡ của các dân tộc vĩ đại. Nếu xem xét văn hóa nhân loại theo quan điểm lịch sử sẽ nhận thấy quá trình phát triển tiến lên, sự tiến bộ và sự hoàn thiện không ngừng của nó.

Công lao của Hêghen là đã đánh giá một cách sâu sắc ý nghĩa của sự phê phán, phủ định trong việc hình thành chế độ xã hội mới. Ở đây, ông đã thấy được con đường dẫn tới tự do nằm ở sự tước bỏ những yếu tố phủ định, ở quá trình “phủ định của phủ định” được kết thúc ở trong hoạt động của tinh thần. Hêghen cho rằng, lịch sử thế giới là sự tiến bộ trong ý thức về tự do. Tự do được Hêghen hiểu là bản chất của tinh thần và nó là tiêu chuẩn cơ bản nhất để đánh giá sự ưu việt của thời đại này so với thời đại khác, của dân tộc này so với dân tộc khác. Tự do được ông xem xét trong mối quan hệ biện chứng với tất yếu. Theo ông, tự do là nhận thức được tất yếu: “Tự do dưới dạng hiện thực của một thế giới nào đó, sẽ thể hiện dưới hình thức của cái tất yếu mà mối quan hệ thực chất của nó là một hệ thống các khái niệm của tự do”(10).

Hêghen đã tiến hành phân kỳ lịch sử trên cơ sở tự do. Phù hợp với nguyên tắc này, ông đã chia lịch sử thế giới thành bốn khu vực: thế giới phương Đông cổ đại (Trung Quốc, Ấn Độ, Ba Tư, Ai Cập); thế giới Hy Lạp cổ đại; thế giới La

Mã cổ đại; thế giới Đức. Hêghen cho rằng, ở phương Đông cổ đại tồn tại chế độ quân chủ, cho nên chỉ có một người được tự do. Ở Hy Lạp và La Mã cổ đại tồn tại chế độ dân chủ quý tộc thì chỉ có một số người được tự do. Cuối cùng, ở nước Đức Kitô giáo, tất cả mọi người đều được tự do. Theo Hêghen, đây là giai đoạn cao nhất và cuối cùng của quá trình lịch sử thế giới. Như vậy, theo cách đánh giá của Hêghen, toàn bộ lịch sử thế giới hướng từ phương Đông đến phương Tây vì châu Âu là sự kết thúc, còn phương Đông là sự bắt đầu. Đồng thời, Hêghen đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng khi coi nước Đức thời của ông là đỉnh cao của lịch sử nhân loại, là sự tổng kết trọn vẹn, đầy đủ toàn bộ quá trình phát triển lịch sử trước đó.

Sự phân tích và đánh giá một cách khái quát cách tiếp cận cũng như một số nội dung chủ yếu trong học thuyết về quá trình lịch sử của Hêghen ở trên cho thấy, quan niệm về lịch sử của ông thể hiện những hạn chế bởi lập trường duy tâm và tính giai cấp hẹp hòi, đồng thời nó cũng chứa đựng một số tư tưởng sâu sắc về sự phát triển của xã hội cũng như tiến trình của lịch sử nhân loại. Phát hiện được tính quy luật của quá trình lịch sử là công lao của Hêghen. Hơn nữa, trong quan niệm về lịch sử của ông còn chứa đựng những phỏng đoán sâu sắc được V.I.Lênin coi là những mầm mống của chủ nghĩa duy vật lịch sử. □

(10) Gi.V.Ph.Hêghen. *Triết học tinh thần trong Bách khoa toàn thư các khoa học triết học*. Sđd., t.3, tr.326.